TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG KHÁNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: **30/3/2018**
V/v "***Ly hôn***"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Mỹ Lệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Mai Văn Khánh**

2. Bà **Võ Thị Thủy**

-Thư ký phiên tòa : Bà **Phan Thị Mai** – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Khánh tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Văn Trung** – Kiểm sát viên

Ngày 30/3/2018, tại Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 197/2017/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1978

2. Bị đơn: Anh **Dương Văn H**, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Tổ X, khu phố Y, phường X H, thị xã L K, tỉnh Đ N.

(Chị H, anh H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 20/12/2017, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị tự nguyện chung sống với anh Dương Văn H từ năm 1995, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do anh H có quan hệ tình cảm với người khác, thường xuyên nhậu nhẹt về gây chuyện, đến năm 2016 anh chị sống ly thân.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Dương Thị Thanh Th, sinh năm 1996 và Dương Thị Thanh B, sinh ngày 11/01/2002, cháu Th hiện đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về tài sản chung: anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh chị không có nợ chung.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh H, yêu cầu được nuôi cháu B, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: bản tự khai; sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, giấy khai sinh.

- Tại bản tự khai ngày 25/01/2018, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Dương Văn H thống nhất với lời trình bày của chị H việc không đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay anh đồng ý ly hôn và giao cháu B cho chị H nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ: Bản tự khai, chứng minh nhân dân.

- Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập: không có

- Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và đương sự trong việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS.

Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

+ Về nội dung vụ án: tuyên bố không công nhận chị H và anh H là vợ chồng, giao cháu B cho chị H nuôi dưỡng, tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H. Anh chị không yêu cầu nên không xem xét về tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1] Về thủ tục tố tụng**: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện anh Dương Văn H yêu cầu ly hôn nên xác định chị H là nguyên đơn, anh H là bị đơn trong vụ án ly hôn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh chị tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995, tuy đủ các điều kiện nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, do anh H có quan hệ tình cảm bên ngoài và thường nhậu nhẹt về gây gổ, cãi vã với chị H, anh chị đã ly thân từ năm 2016 cho tới nay. Do anh chị không đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Dương Văn H.

[3] Về con chung: Chị H và anh H thống nhất khi ly hôn giao cháu Dương Thị Thanh B, sinh ngày 11/01/2002 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét sự thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm pháp luật, đảm bảo quyền lợi của con chung đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu B nên chấp nhận. Do chị H không yêu cầu nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát thị xã Long Khánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Dương Văn H.

- Về con chung: giao cháu Dương Thị Thanh B, sinh ngày 11/01/2002 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Dương Văn H.

Anh Dương Văn H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Nguyễn Thị H và anh Dương Văn H được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí DSST trong vụ án ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Khánh theo biên lai thu số 008076 ngày 20/12/2017 thành tiền án phí, chị H đã nộp đủ án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TX. Long Khánh;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Mỹ Lệ